

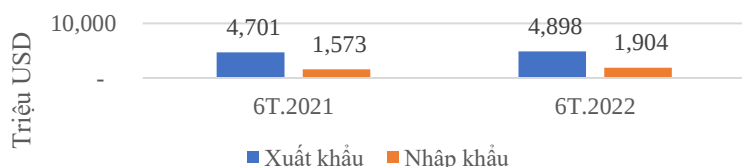
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường TRUNG QUỐC



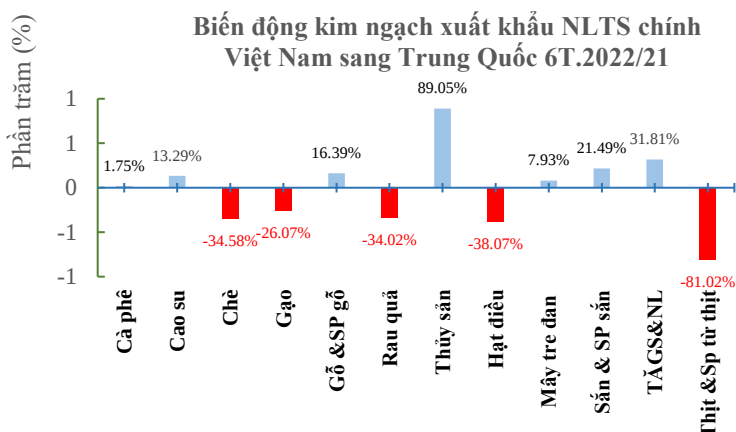
TÌNH HÌNH CHUNG

Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - Trung Quốc



So sánh xuất nhập khẩu NLTS chính Việt Nam - Trung Quốc (6T- 2022/2021)

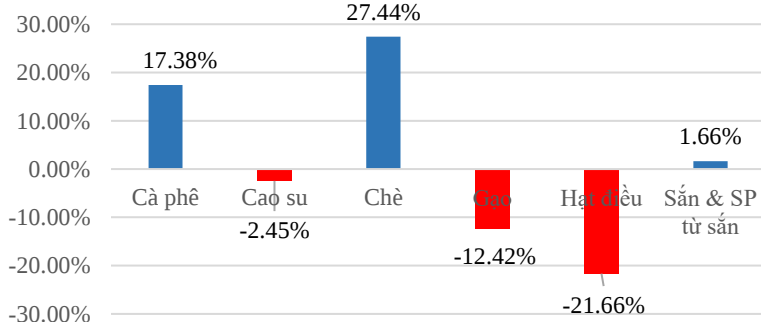
Xuất khẩu	▲ 04,19%
Nhập khẩu	▲ 21,02%



So sánh 6T-2022/2021

Cà phê	▲ 01,75%
Cao su	▲ 13,29%
Chè	▼ 34,58%
Gạo	▼ 26,07%
Gỗ và SP gỗ	▲ 16,39%
Rau quả	▼ 34,02%
Thủy sản	▲ 89,05%
Hạt điều	▼ 38,07%
Mây tre đan	▲ 07,93%
Sắn và SP sắn	▲ 21,49%
TĂGS và NL	▲ 31,81%
Thịt & SP từ thịt	▼ 81,02%

Biến động giá xuất khẩu BQ T6.2022/T6.2021



So sánh giá xuất khẩu tháng 6.2022/2021

Cà phê	▲ 17,38%
Cao su	▼ 02,45%
Chè	▲ 27,44%
Gạo	▼ 12,42%
Hạt điều	▼ 21,66%
Sắn & SP từ sắn	▲ 01,66%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) chính của Việt Nam sang Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt 4,89 tỷ USD, tăng 4,19% so với cùng kỳ năm 2021; kim ngạch nhập khẩu NLTS từ Trung Quốc đạt 1,90 tỷ USD, tăng 21,02%. Tính riêng tháng 6/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS chính đạt 882,28 triệu USD, tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 6 là gỗ và sản phẩm gỗ (chiếm 24,1%), cao su (chiếm 24,1%), thủy sản (chiếm 15,1%), sắn và sản phẩm từ sắn (chiếm 12,6%), rau quả (chiếm 9,6%), hạt điều (chiếm 5,5%). So với tháng 5/2022, xuất khẩu một số mặt hàng NLTS tăng cao là: cao su (tăng 70,6%), chè (tăng 67,5%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 7,7%), sắn và các sản phẩm từ sắn (tăng 5,8%); trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là gạo (giảm 48,0%), thủy sản (giảm 22,1%), hạt điều (giảm 16,9%), rau quả (giảm 16,0%), cà phê (giảm 10,8%). So với cùng kỳ, các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng là chè (tăng 73,5%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 54,7%), thủy sản (tăng 47,5%), sắn và các sản phẩm từ sắn (tăng 45,0%), cao su (tăng 12,5%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 10,8%); mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là gạo (giảm 55,3%), rau quả (giảm 47,0%), hạt điều (giảm 22,5%). *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)*

Theo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tính đến 20h00 ngày 02.08.2022, tổng số phương tiện chờ hàng hóa xuất khẩu còn tồn trên địa bàn tỉnh là 317 xe, trong đó xe chờ hoa quả là 159 xe hoa quả và 158 xe hàng khác. Cụ thể: (i) tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị, còn tồn 104 xe (59 xe tại khu trung chuyển và 45 xe tại cửa khẩu Hữu Nghị), trong đó có 48 xe hoa quả, tất cả đều được chờ bằng container lạnh; (ii) tại cửa khẩu phụ Tân Thanh còn tồn 213 xe (tại bãi Bảo Nguyên 171 xe, khu phi thuế quan 42 xe), trong đó có 111 xe hoa quả (tất cả đều được chờ bằng container lạnh); (iii) tại cửa khẩu chính Chi Ma không còn phương tiện tồn.

Theo thông tin Văn phòng SPS Việt Nam (Bộ NN&PTNT), Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã ban hành thông báo số 58/2022 (thay thế cho thông báo số 103/2020) về việc tiếp tục hoàn thiện, tối ưu hóa biện pháp phòng chống dịch tại cảng, cửa khẩu đối với thực phẩm chuỗi lạnh nhập khẩu vào Trung Quốc. Cụ thể, Tổng cục Hải quan Trung Quốc triển khai công tác kiểm tra và xét nghiệm Covid-19 trên sản phẩm thực phẩm chuỗi lạnh nhập khẩu. Căn cứ kết quả kiểm tra theo quy định sẽ tiến hành kiểm tra và điều tra, xác nhận tình trạng an toàn và hệ thống quản lý an toàn của nước nhập khẩu có phù hợp với yêu cầu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc hay không. Đối với doanh nghiệp còn tồn tại, căn cứ quy định pháp luật liên quan để áp dụng biện pháp khắc phục có thời hạn, tạm ngừng nhập khẩu hoặc hủy đăng ký tư cách xuất khẩu của doanh nghiệp, v.v.

Theo Cục Thống kê nhà nước Trung Quốc, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) quý 2 đạt 29.246,4 tỷ nhân dân tệ, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn so với mức dự báo 1% của giới chuyên gia và là mức thấp nhất trong 2 năm qua. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 4,4%, ngành công nghiệp tăng 0,9% và ngành dịch vụ giảm 0,4%. Tính chung 6 tháng đầu năm, GDP đạt 56.264,2 tỷ nhân dân tệ, tăng 2,5%; trong đó, nông nghiệp tăng 5%, công nghiệp tăng 3,2%, dịch vụ tăng 1,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, ngành tiêu dùng chịu tác động nặng nề của các biện pháp hạn chế phòng dịch, tổng doanh thu bán lẻ các sản phẩm tiêu dùng xã hội đạt 21.043,2 tỷ nhân dân tệ, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm ngoái; trong đó, ngành dịch vụ ăn uống giảm tới 7,7%. Ngoài ra, 6 tháng đầu năm, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 1,7% so với cùng kỳ năm ngoái; có thêm 6,54 triệu vị trí việc làm mới ở khu vực thành thị, tỷ lệ thất nghiệp bình quân theo điều tra đạt 5,7%; thu nhập bình quân người dân đạt 18.463 nhân dân tệ, tăng 3% sau khi trừ đi các yếu tố về giá cả.

Ủy ban y tế quốc gia (NHC) Trung Quốc ngày 13/7 cho biết nước này sẽ dùng xét nghiệm kiểm dịch COVID-19 đối với một số mặt hàng nhập khẩu. Theo đó, các mặt hàng không cần bảo quản lạnh gồm than, quặng khoáng sản, thực phẩm và thức ăn chăn nuôi giờ đây có thể nhập cảnh Trung Quốc mà không phải xét nghiệm sàng lọc COVID-19, mặc dù những mặt hàng có nguy cơ cao vẫn phải được khử trùng. Các mặt hàng cần bảo quản lạnh và đông lạnh sẽ tiếp tục được xét nghiệm theo quy định hiện nay. Theo NHC, quyết định trên nhằm đảm bảo sự ổn định của chuỗi cung ứng và công nghiệp.

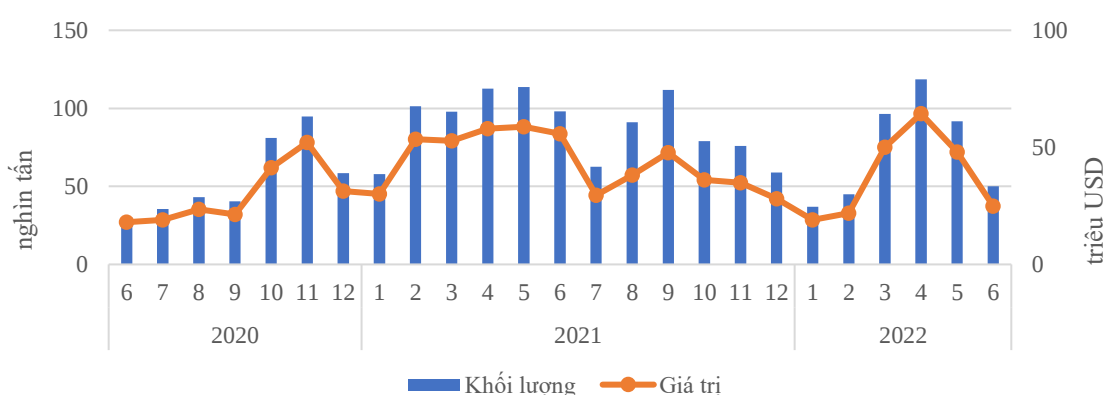
Ngày 2/8, Bộ Tài chính Trung Quốc cho hay kể từ ngày 1/9 tới, Chính phủ nước này sẽ hủy bỏ đánh thuế đối với 98% chủng loại hàng hoá nhập khẩu từ 16 quốc gia đang phát triển nhất đang duy trì quan hệ ngoại giao với Trung Quốc bao gồm: Bangladesh, Vanuatu, Guinea, Djibouti, Lào, Campuchia, Kiribati, Mozambique, Nepal, Rwanda, Sudan, Quần đảo Solomon, Togo, Cộng hoà Trung Phi, Eritrea và Chad. Bộ Tài chính Trung Quốc nhấn mạnh việc gỡ bỏ các hạn chế thương mại “sẽ cho phép khai thác các cơ hội thị trường, đảm bảo sự phát triển chung của Trung Quốc và các quốc gia nêu trên”.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2022, Việt Nam xuất khẩu được 50,1 nghìn tấn gạo, trị giá 24,9 triệu USD sang Trung Quốc, giảm 45,3% về khối lượng và 48,0% về giá trị so với tháng trước, và giảm 48,9% về khối lượng và 55,3% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt 438,6 nghìn tấn, trị giá 228,2 triệu USD, giảm 24,5% về khối lượng và 26,1% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

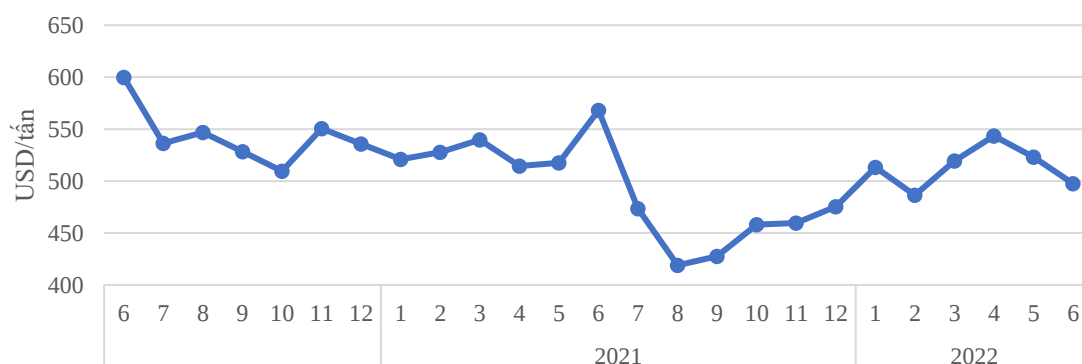
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2022 đạt 497,6 USD/tấn, giảm 4,9% so với tháng trước và 12,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc



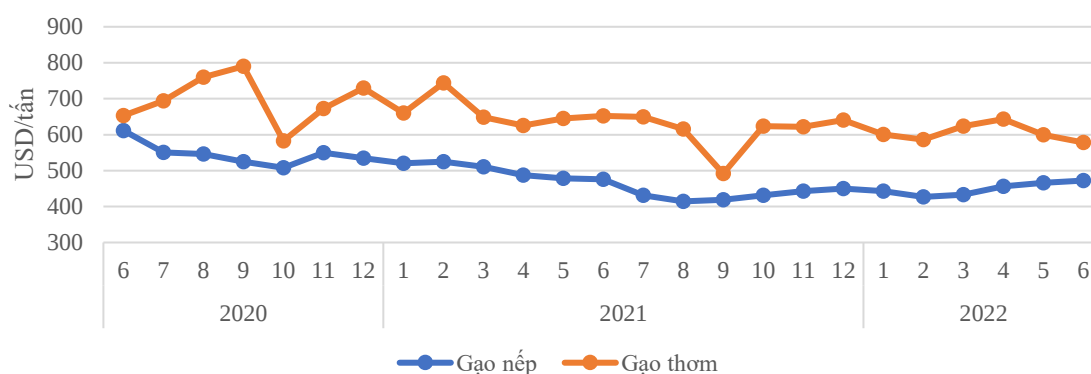
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 6/2022, gạo nếp là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Trung Quốc (về giá trị) với kim ngạch 29,0 nghìn tấn và 13,7 triệu USD (chiếm 57,9%

về khối lượng và 55,0% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo nếp đã giảm 21,1% về khối lượng và 21,4% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo nếp đạt 472,4 USD/tấn, tăng 1,4% so với tháng trước nhưng giảm 0,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo thơm là 578,5 USD/tấn, giảm 3,5% so với tháng trước và 11,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

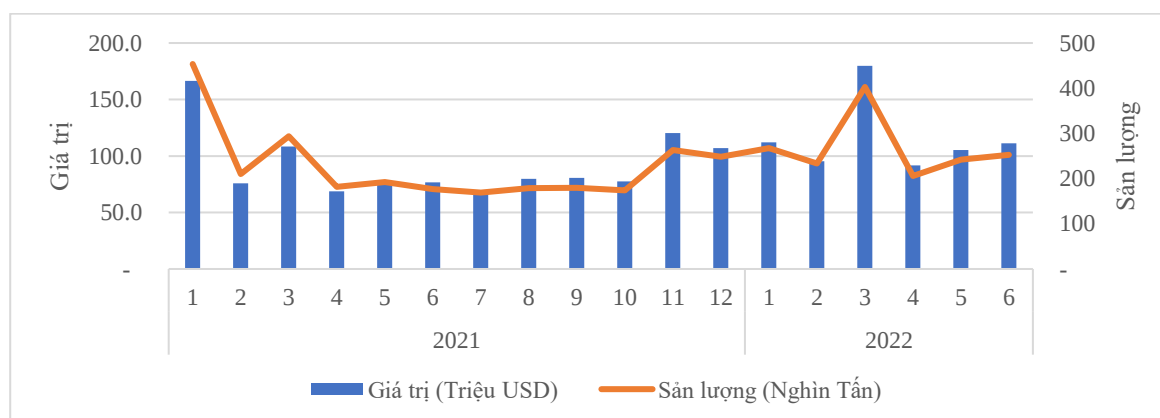
2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ nông nghiệp ngành sản Trung Quốc phân tích từ số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 6 tháng đầu năm 2022, khối lượng và giá trị nhập khẩu sản lát của Trung Quốc là 4,7624 triệu tấn và 1,340 tỷ USD, tăng lần lượt 52,49% và 56,57% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, nguồn nhập khẩu sản lát chính của Trung Quốc là Thái Lan và Việt Nam, với khối lượng lần lượt chiếm 90,07% và 9,40% tổng khối lượng sản lát nhập khẩu của Trung Quốc.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, quy mô nhập khẩu tinh bột sản của Trung Quốc tiếp tục tăng đáng kể. Với khối lượng và giá trị nhập khẩu tinh bột sản đạt 2,3509 triệu tấn và 1,229 tỷ USD, tăng lần lượt 35,66% và 50,51% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, nhập khẩu tinh bột sản của Trung Quốc chủ yếu từ Thái Lan và Việt Nam, với khối lượng nhập khẩu lần lượt chiếm 54,49% và 38,35% tổng khối lượng tinh bột sản nhập khẩu của Trung Quốc.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2022, Việt Nam xuất khẩu được 252,3 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 111,3 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, tăng 4,4% về khối lượng và tăng 5,82% về giá trị so với tháng 5/2022; tăng 42,6% về khối lượng và tăng 45% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2022, khối lượng xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang thị trường này đạt gần 1,6 triệu tấn, trị giá 687,8 triệu USD, tăng 6,9% về khối lượng và tăng 21,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

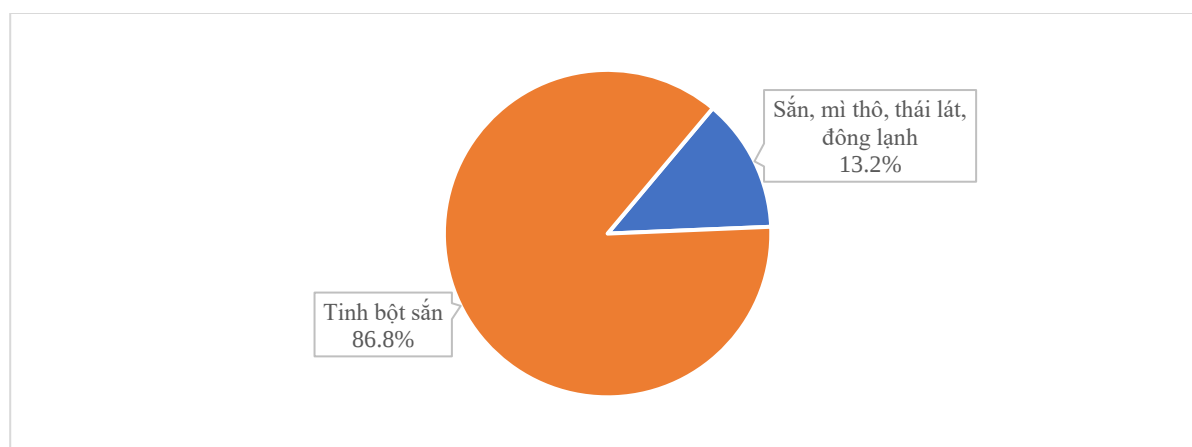
Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 88,9% về khối lượng và 89,1% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 6 năm 2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 96,6 triệu USD, chiếm 86,8% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng 36,9% so với cùng kỳ năm 2021; sắn lát, đông lạnh đạt 14,7 triệu USD (chiếm 13,2%), tăng 136,5%.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

3. RAU QUẢ

Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trái cây có múi của Zimbabwe được phép nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc từ ngày 4/7/2022 nếu đáp ứng tiêu chuẩn về Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với trái cây có múi nhập khẩu từ Zimbabwe.

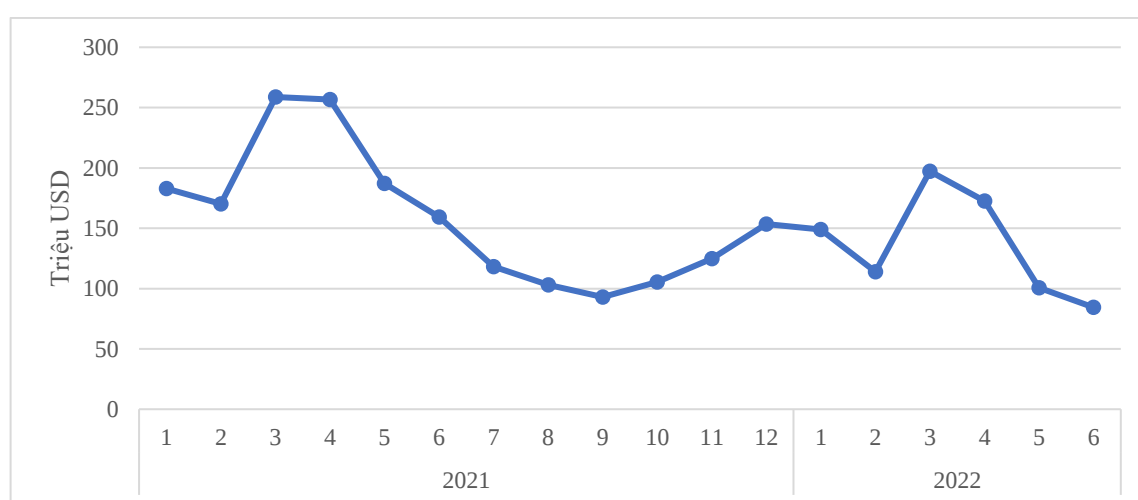
Theo USDA, sản lượng anh đào của Trung Quốc trong niên vụ 2022/23 (từ tháng 4/2022 đến tháng 3/2023) dự kiến đạt 650.000 tấn, trong khi nhập khẩu dự kiến giảm

gần 60.000 tấn trong cùng kỳ xuống 300.000 tấn. Tiêu thụ anh đào mùa này dự kiến đạt khoảng 950.000 tấn, tăng 3,5% so với niên vụ 2021/22.

Ngày 15/7/2022, Tổng cục Hải quan Trung Quốc cập nhật danh mục trái cây nhập khẩu, bổ sung thêm chanh dây của Việt Nam (nhập khẩu thử nghiệm); lê Nam Phi và trái cây có múi của Lào (bao gồm: quýt (mandarin), bưởi (pomelo) và chanh (lemon)).

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 6 năm 2022 đạt 84,4 triệu USD, chiếm 32,6% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 16,0% so với tháng trước và giảm 47,0% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 799,7 triệu USD (chiếm 47,6% thị phần), giảm 34,0% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 6: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc

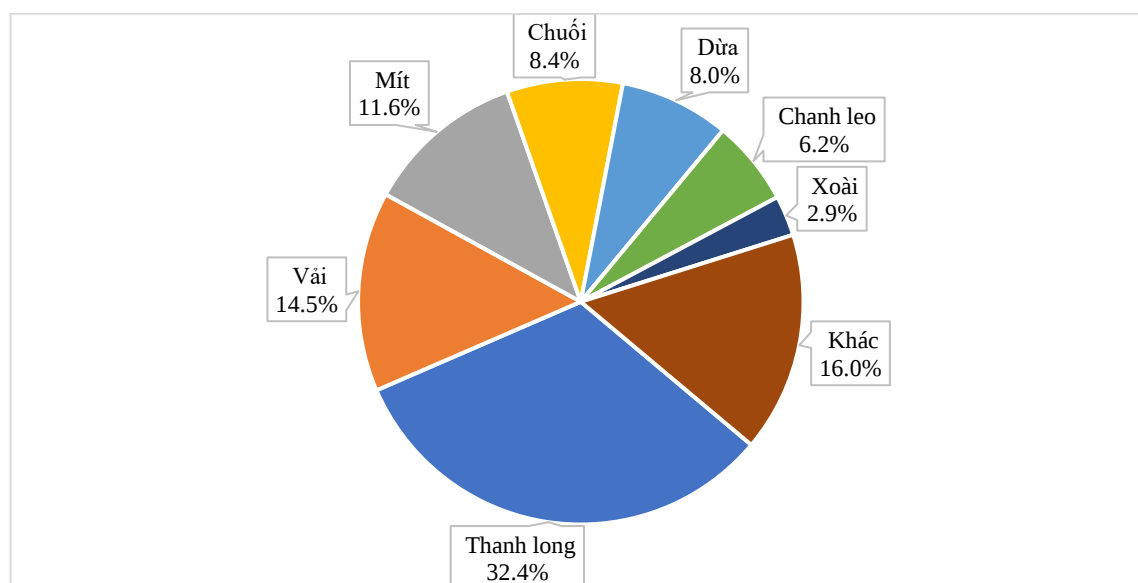


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 6 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 66,9 triệu USD (chiếm 79,3% thị phần, giảm 52,6% so với cùng kỳ năm 2021) và rau quả chế biến đạt 17,5 triệu USD (chiếm 20,7%), giảm 4,7%. So sánh với cùng kỳ năm 2021, nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 7,9 triệu USD, tăng 2,8%; trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 6,7 triệu USD, giảm 22,7%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt 1,7 triệu USD, tăng 90,7%; rau, quả muối chua (mã HS.2001) đạt 1,2 triệu USD, tăng 524,0%; v.v.

Trong tháng 6 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm: thanh long đạt 27,3 triệu USD (chiếm 32,4% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này), giảm 60,2% so với cùng kỳ năm 2021; vải đạt 12,3 triệu USD (chiếm 14,5%), giảm 60,4%; mít đạt 9,8 triệu USD (chiếm 11,6%), giảm 22,9%; chuối đạt 7,1 triệu USD (chiếm 8,4%), giảm 31,7%; dứa đạt 6,7 triệu USD (chiếm 8,0%), tăng 84,5%; chanh leo đạt 5,2 triệu USD (chiếm 6,2%), giảm 10,0%; xoài đạt 2,5 triệu USD (chiếm 2,9%), giảm 48,0%; v.v.

Hình 7: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 6/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 6 năm 2022 đạt 59,0 triệu USD, chiếm 36,4% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 83,1% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 315,0 triệu USD, chiếm 35,6% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 59,9% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 6/2022, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: tỏi đạt 11,7 triệu USD (chiếm 19,9% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 40,9% so với cùng kỳ năm trước; nấm các loại đạt 7,7 triệu USD (chiếm 13,0%), tăng 166,0%; cà rốt đạt 7,1 triệu USD (chiếm 12,0%), tăng 157,4%; hành các loại đạt 3,4 triệu USD (chiếm 5,7%), tăng 54,5%; táo đạt 2,6 triệu USD (chiếm 4,4%), tăng 113,6%; v.v.

4. CÀ PHÊ

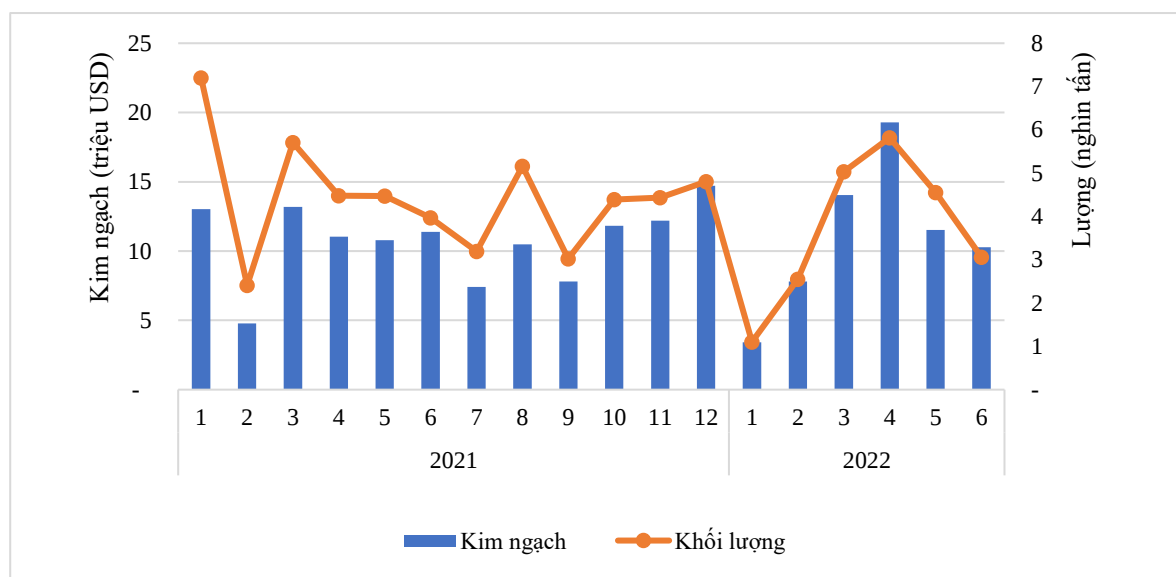
Theo thống kê của Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt Nam, 6 tháng đầu năm, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc khoảng 21.450 tấn cà phê, tương đương 66 triệu USD, giảm 24% về lượng nhưng tăng 2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Trong khi các thị trường khác chủ yếu nhập khẩu cà phê nhân, thì Trung Quốc lại có xu hướng nhập khẩu các sản phẩm cà phê hòa tan, chế biến sâu.

Cụ thể, xuất khẩu cà phê rang xay, hòa tan, 3 trong 1 đạt khoảng 8.352 tấn, tương đương 41 triệu USD, chiếm 62% so với tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê sang Trung Quốc 6 tháng đầu năm.

Thực tế, tại thị trường Trung Quốc, cà phê hòa tan, cà phê chế biến sẵn đang chiếm thị phần lớn nhờ sự tiện lợi trong việc sử dụng. Do đó, các chuyên gia khuyến nghị các doanh nghiệp Việt có thể tập trung vào phân khúc này để nâng cao giá trị gia tăng.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 06/2022 ước đạt 3,1 nghìn tấn với trị giá 10,3 triệu USD, giảm 32,9% về lượng và 10,8% về giá trị so với tháng trước, và giảm 23,0% về lượng và 9,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

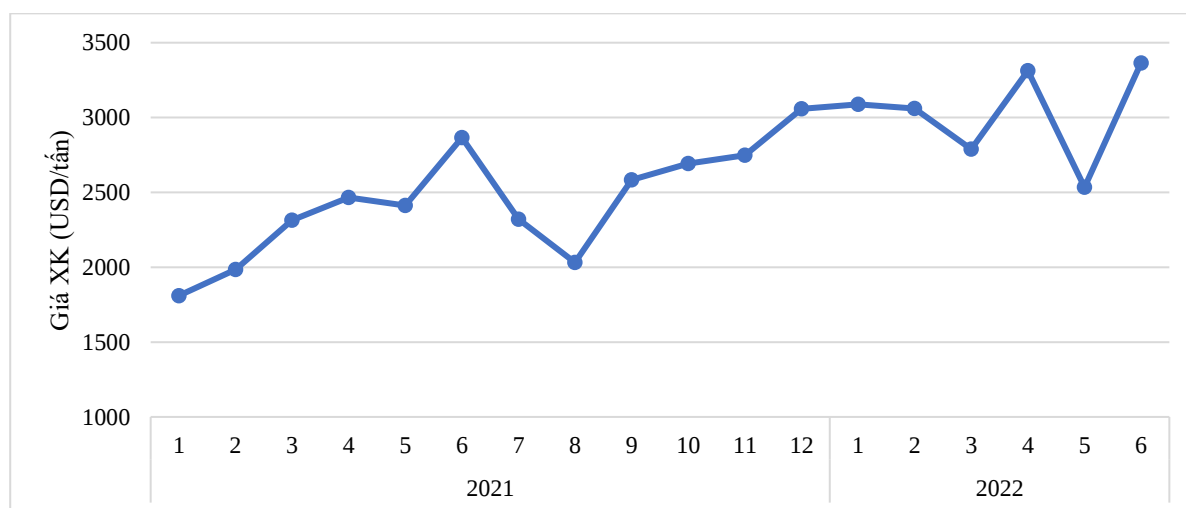
Hình 8: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 06/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc đạt 3.365 USD/tấn, tăng 32,8% so với tháng trước và tăng 17,4% so với cùng kỳ năm trước.

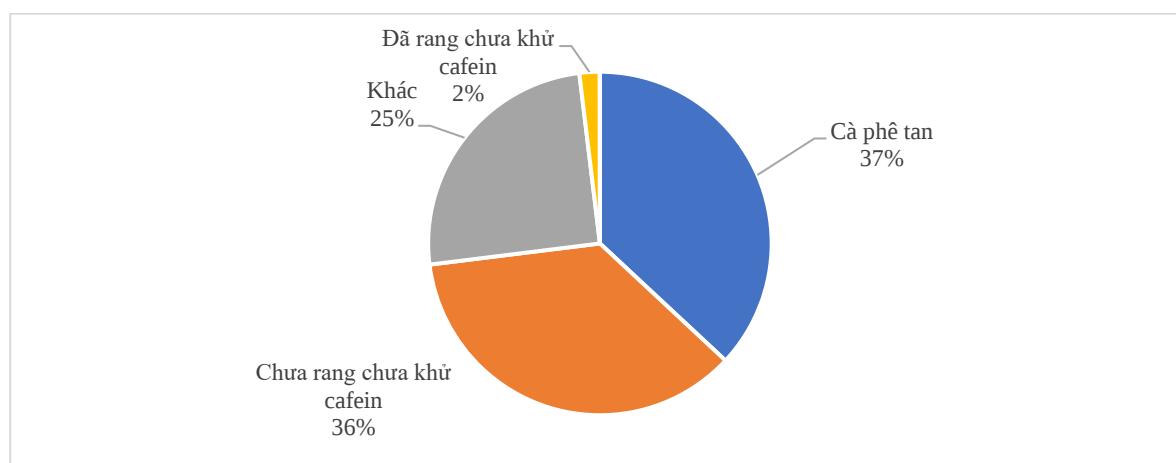
Hình 9: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2022, cà phê tang là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 3,8 triệu USD, chiếm 36,9% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê chưa rang chưa khử cafein với kim ngạch 3,7 triệu USD, chiếm 36,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 1,9% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 10: Chứng loại cà phê xuất khẩu sang Trung Quốc theo kim ngạch tháng 06/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

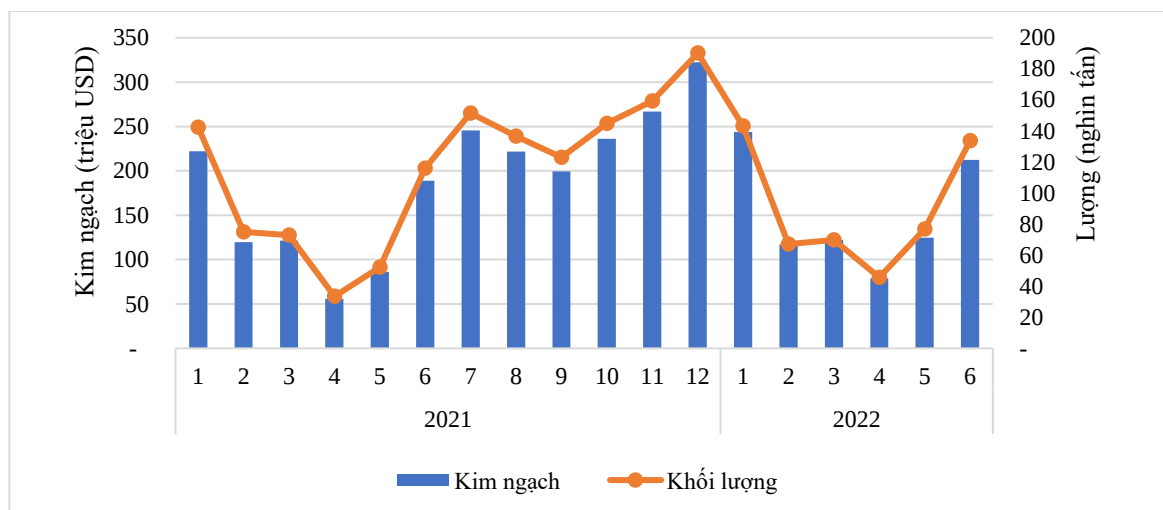
5. CAO SU

Nhập khẩu cao su tăng trở lại trong tháng 6/2022. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong tháng 6/2022, Trung Quốc nhập khẩu 535,5 nghìn tấn cao su tự nhiên và tổng hợp (kể cả mũ cao su), trị giá 1,01 tỷ USD, tăng 15,6% về lượng và tăng 12,8% về trị giá so với tháng 5/2022; so với tháng 6/2021 tăng 16% về lượng và tăng 17,9% về trị giá. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu 3,39 triệu tấn cao su tự nhiên và tổng hợp, trị giá 6,42 tỷ USD, tăng 3,1% về lượng và tăng 10,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Trong các thị trường nhập khẩu cao su Việt Nam, Trung Quốc chiếm tới 99,7% tổng lượng hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp xuất khẩu của Việt Nam, với sự gia tăng xuất khẩu cả về lượng và giá trị trong những tháng đầu năm.

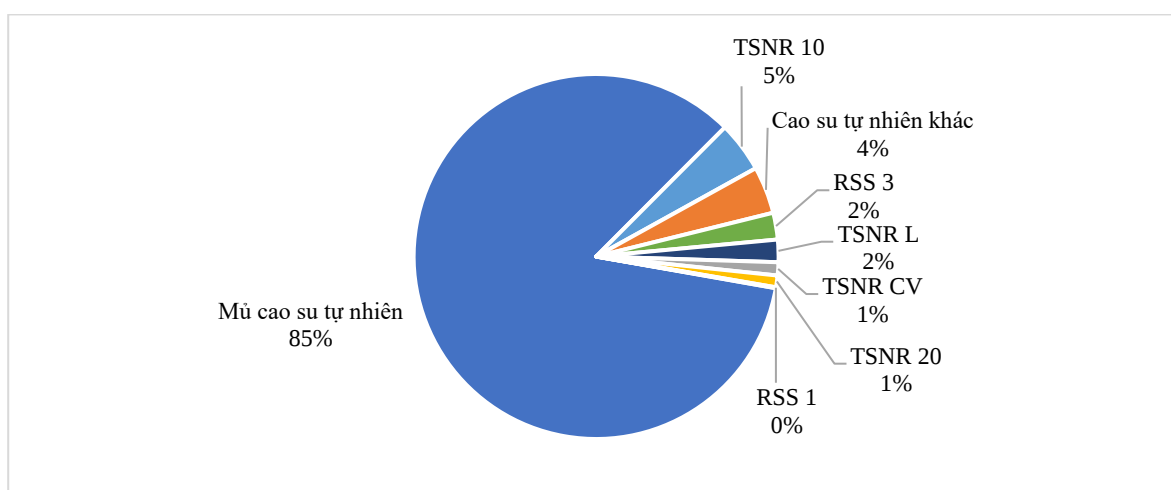
Theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), Thái Lan, Việt Nam, Malaysia, Nhật Bản và Hàn Quốc là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Trung Quốc. Trong thời gian này, Trung Quốc đẩy mạnh nhập khẩu cao su từ một số thị trường như: Thái Lan, Việt Nam, Nhật Bản, Lào, Myanmar, Côte d'Ivoire... và Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc với gần 1 tỷ USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 06/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc ước đạt 133,7 nghìn tấn với trị giá 212,5 triệu USD, tăng 74,2% về khối lượng và 70,6% về giá trị so tháng trước, và tăng 15,3% về khối lượng và 12,5% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc

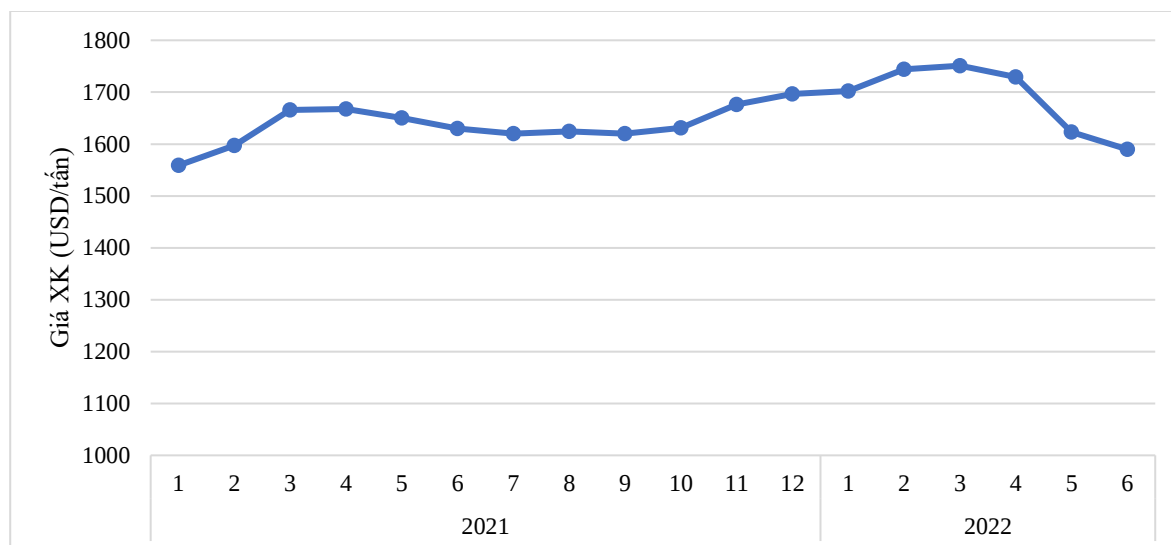
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2022, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 42,3 triệu USD, chiếm 84,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 với kim ngạch 2,2 triệu USD, chiếm 4,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 3, TSNR L và TSNR CV chiếm lần lượt 2,4%, 2,0 % và 1,2% tổng giá trị xuất khẩu. Cuối cùng là TSNR 20 và RSS1 chiếm lần lượt là 1% và 0,1% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 12: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 06/2022

Nguồn: Tổng cục Hải quan

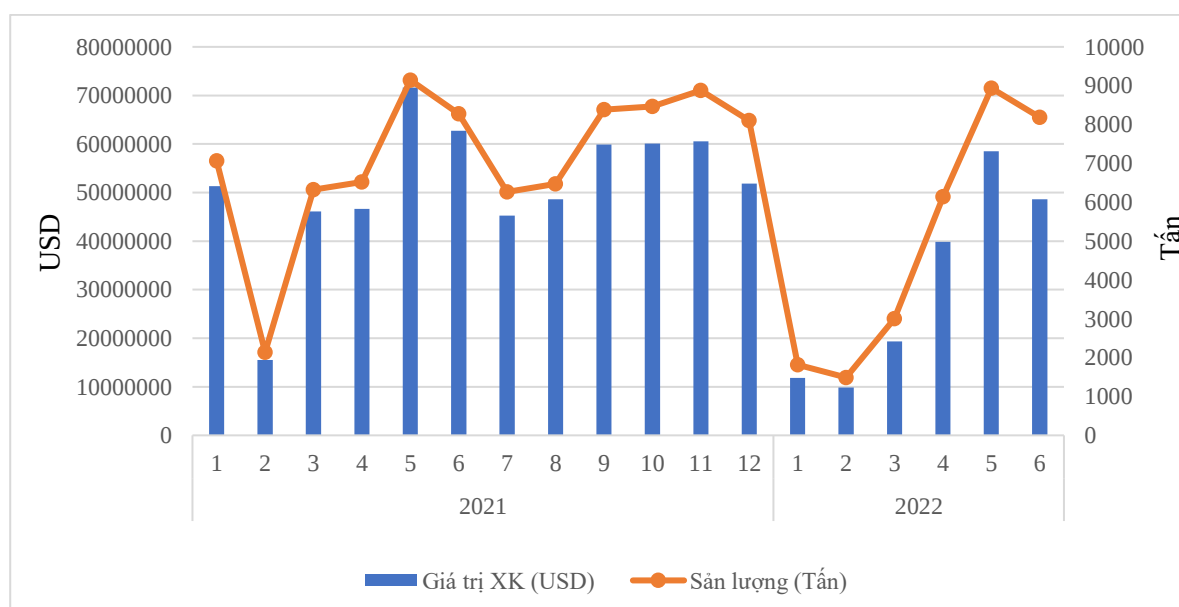
Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 06/2022 đạt mức 1.590 USD/tấn, giảm 2,1% so với tháng trước và giảm 2,5% so với cùng kỳ 2021.

Hình 13: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

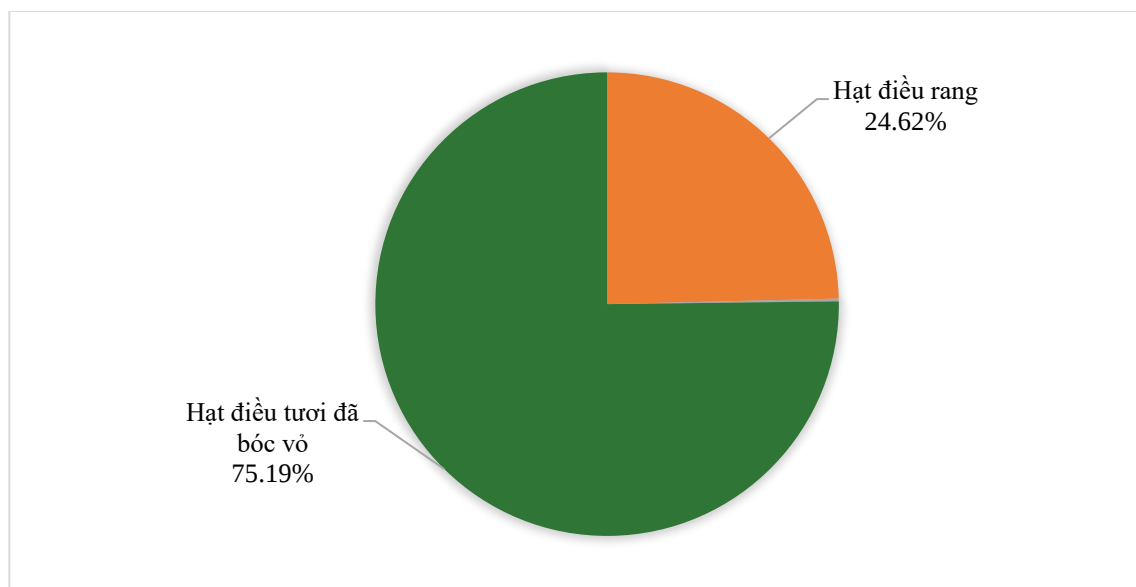
6. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2022, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 8,18 nghìn tấn, trị giá 48,6 triệu USD, giảm 16,3% về khối lượng và 14,4% về giá trị so với tháng trước. Nhưng so với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc lại giảm khoảng 1,1% về khối lượng và 22,5% về giá trị.

Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc

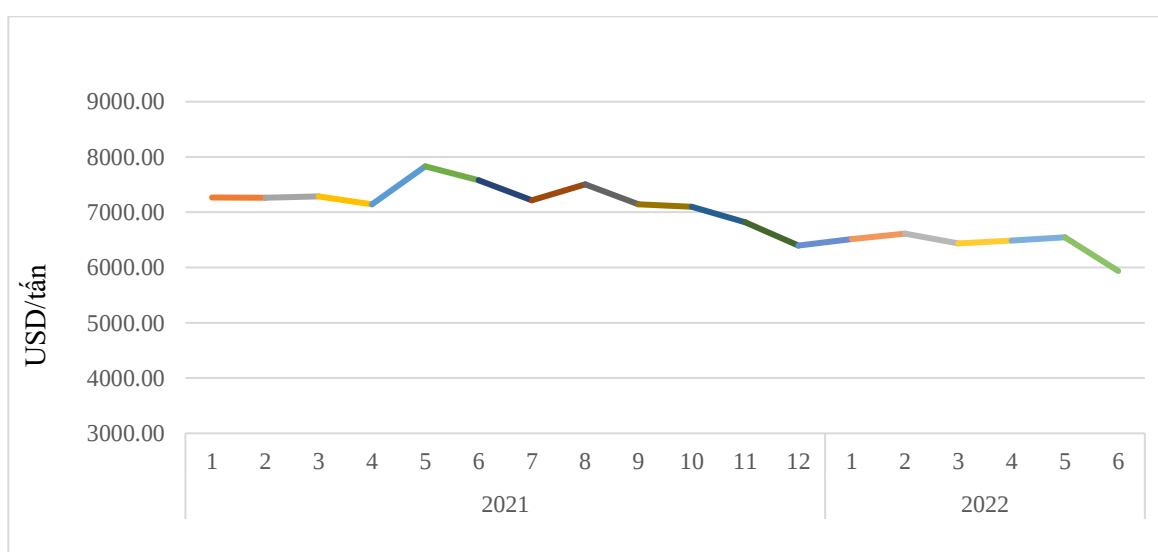
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều tươi đã bóc vỏ vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này, chiếm 75,19% đạt 36,9 triệu USD; hạt điều rang chiếm 24,6% đạt 12,1 triệu USD.

Hình 15: Cơ cấu giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2022 duy trì ổn định. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân sang thị trường này đạt 5.937 USD/tấn, giảm 9,3% so với tháng trước và 21,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá một số loại hạt điều cụ thể xuất khẩu sang thị trường này như sau: Hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 5,8 USD/kg giảm 81,1% so với cùng kỳ năm trước; điều rang đạt 6,3 USD/Kg, giảm 69,4% so với cùng kỳ năm trước.

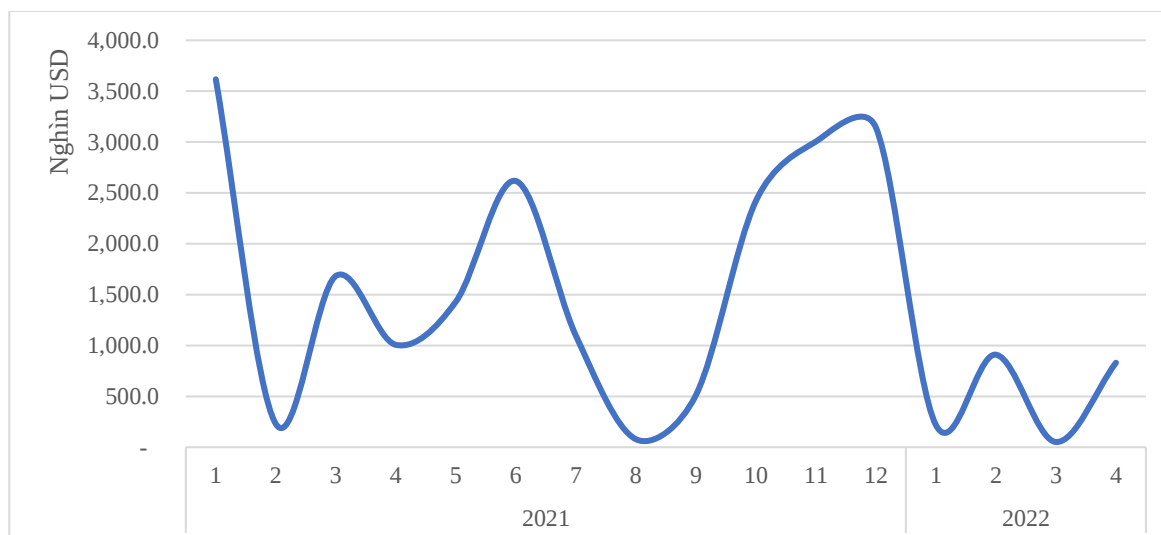
7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Tại Trung Quốc, giá heo hơi tăng mạnh hơn 28% trong tháng 6. Giá thịt heo của Trung Quốc tiếp tục tăng nhanh trong những tuần gần đây do một số nhà sản xuất không muốn bán ra những đàn heo đã đủ tuổi xuất chuồng. Giá thịt heo bán buôn hôm 6/7 tăng 6,8% so với tuần trước đó và tăng 27% so với cùng kỳ năm ngoái. Trung Quốc được dự báo sẽ vẫn là nhà nhập khẩu thịt heo hàng đầu thế giới, chiếm 20% tổng lượng xuất khẩu toàn cầu, mặc dù đã giảm đáng kể so với 42% thị phần thương mại vào năm 2020.

Theo Reuters, đàn heo của Trung Quốc đã tăng lên 430,57 triệu con vào cuối tháng 6, tăng từ mức 422,53 triệu con hồi cuối tháng 3. Thị trường heo hơi của quốc gia này đã chứng kiến giá sụt giảm và chịu thua lỗ lớn trong nhiều tháng sau khi người chăn nuôi mở rộng quy mô quá nhiều trong những năm trước. Còn theo tính toán dựa trên số liệu chính thức, sản lượng thịt heo trong quý II/2022 của Trung Quốc đạt 13,78 triệu tấn, mức cao nhất kể từ ít nhất là năm 2015. Sản lượng đạt mức cao trong bối cảnh nhu cầu giảm do sự bùng phát nhiều lần của đại dịch COVID-19, tạo ra nguồn cung dư thừa và gây áp lực lên giá cả cũng như lợi nhuận từ nông nghiệp. Nông dân bắt đầu tiêu hủy một số heo nái của họ vào cuối năm ngoái, đẩy nhanh tiến độ trong quý đầu tiên trong bối cảnh thua lỗ nặng, và điều đó có thể đồng nghĩa với việc sản lượng giảm vào cuối năm 2022.

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dẫn số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc cho biết trong tháng 5, Trung Quốc nhập khẩu 130.000 tấn thịt heo, trị giá 240,46 triệu USD, giảm 65,7% về lượng và giảm 76,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 5 tháng đầu năm, nhập khẩu thịt heo của quốc gia này đạt 680.000 tấn, trị giá 1,34 tỷ USD, giảm 65,3% về lượng và giảm 75,2% về giá trị, chủ yếu nhập khẩu từ Tây Ban Nha, Brazil, Đan Mạch, Canada, Hà Lan, và Mỹ. Trong đó, Tây Ban Nha là thị trường cung cấp thịt heo lớn nhất cho Trung Quốc trong 5 tháng đầu năm nay, chiếm 30,5% trong tổng trị giá nhập khẩu thịt heo của Trung Quốc, với 410,74 triệu USD, giảm 77,7% so với cùng kỳ năm 2021. Theo sau là Brazil, với kim ngạch nhập khẩu thịt heo của Trung Quốc từ Brazil trong 5 tháng đầu năm 2022 đạt 281,68 triệu USD, giảm 60% so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 20,9% tổng kim ngạch nhập khẩu thịt heo của Trung Quốc.

Trong tháng 6/2022, Việt Nam không xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc. Báo cáo mới nhất của USDA về thị trường và thương mại thế giới cho hay Trung Quốc được dự báo sẽ vẫn là nhà nhập khẩu thịt heo hàng đầu thế giới, chiếm 20% tổng lượng xuất khẩu toàn cầu, mặc dù đã giảm đáng kể so với 42% thị phần thương mại vào năm 2020.

Hình 17: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khi đó, về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 6/2022 có xu hướng tăng nhẹ đạt 552,9 nghìn USD, tăng 13% so với tháng trước.

Theo báo cáo, những thay đổi trong lĩnh vực thịt heo của Trung Quốc có tác động trái chiều đến các loại thịt khác. Nhập khẩu thịt gà của Trung Quốc được điều chỉnh giảm vào năm 2022 do người tiêu dùng quay trở lại ăn nhiều thịt heo hơn, loại protein động vật được ưa thích ở Trung Quốc. Tuy nhiên, không giống như thịt heo, tác động của việc giảm nhập khẩu thịt gà của Trung Quốc là không lớn do quốc gia này chiếm thị phần tương đối nhỏ trong thương mại thịt gà toàn cầu

8. THỦY SẢN

Theo “Báo cáo Triển vọng Sản phẩm Thủy sản Trung Quốc (2022 - 2031)” của Cục Xúc tiến Công nghệ Thủy sản Quốc gia, Hiệp hội Nghề cá Trung Quốc và Hiệp hội Chế biến và Kinh doanh Thủy sản Trung Quốc, tổng sản lượng thủy sản cả nuôi trồng và khai thác của Trung Quốc dự báo đạt 67,64 triệu tấn trong năm 2022, tăng 1,1% so với năm 2021. Tiêu thụ sản phẩm thủy sản sẽ tiếp tục tăng trưởng, dự kiến đạt 69,69 triệu tấn vào năm 2022, tăng 1,2% so với năm 2021. Trong đó, tiêu thụ cho thực phẩm đạt 30,06 triệu tấn, tăng 1,4% so với năm trước; tiêu thụ cho chế biến đạt 28,3 triệu tấn, tăng 1,7%. Nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc năm 2022 được dự báo sẽ tăng nhẹ, đạt 5,95 triệu tấn, tăng 3,5% so với năm trước. Xuất khẩu thủy sản của Trung Quốc năm 2022 cũng được dự báo tăng lên 3,9 triệu tấn, tăng 2,6% so với năm 2021. Việc Văn phòng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ thông báo miễn thuế đối với một số sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ Trung Quốc sẽ thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm thủy sản của nước này.

Dự báo đến năm 2026, sản lượng thủy sản đạt 69,61 triệu tấn, và năm 2031 đạt 71,27 triệu tấn. Trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2026 dự báo đạt 56,84 triệu tấn, năm 2031 đạt 58,6 triệu tấn. Tỷ trọng sản lượng nuôi trồng trong tổng sản lượng thủy sản tăng lên 82,2%. Trong khi sản lượng thủy sản khai thác sẽ giảm nhẹ và ổn định, cơ bản ở mức 12,7-13 triệu tấn. Trong khi đó, tiêu thụ thủy sản của Trung Quốc sẽ tăng nhanh hơn sản lượng. Với đặc tính protein cao và ít chất béo, sản phẩm thủy sản sẽ được ưa chuộng hơn tại Trung Quốc, và có nhiều dư địa để tăng trưởng tiêu dùng. Tổng sản lượng thủy sản tiêu thụ năm 2026 được dự báo đạt 72,13 triệu tấn và năm 2031 đạt 74,16 triệu tấn. Nhập khẩu sản phẩm thủy sản của Trung Quốc sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh, dự báo đạt 6,9 triệu tấn vào năm 2026.

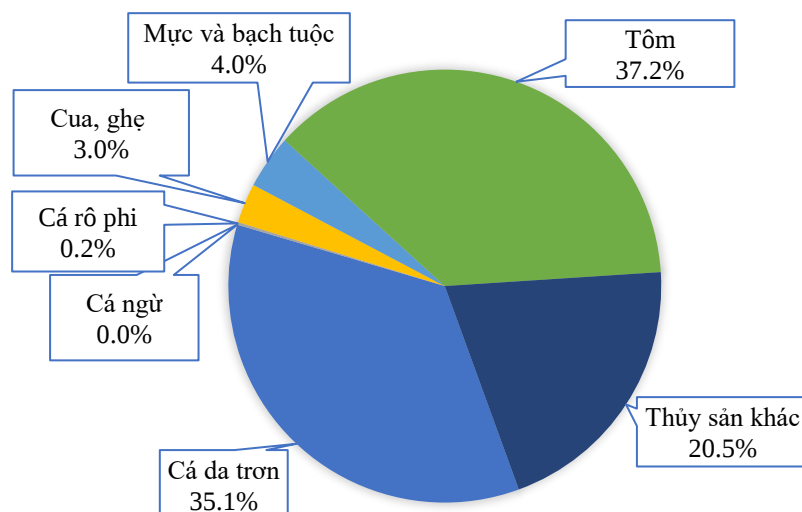
Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2022 đạt 133,4 triệu USD, tăng 59% so với cùng kỳ năm trước, và giảm 22,1% so với tháng 5/2022, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 842,9 triệu USD tăng 93,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 18. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc



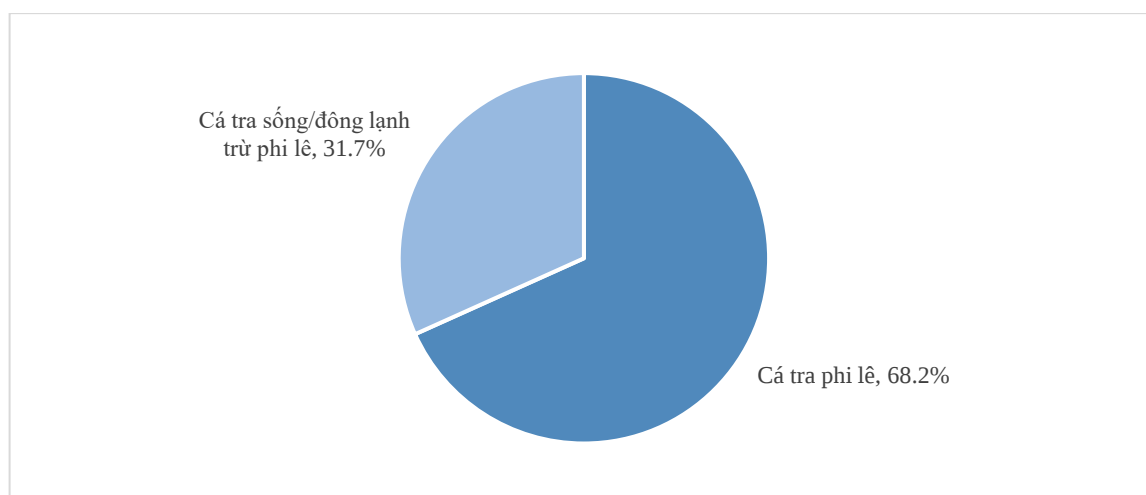
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 6/2022, cá da trơn và tôm vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 37,2%; cá da trơn chiếm 35,1%. Xuất khẩu thủy sản sang thị trường này có xu hướng giảm nhẹ sau khi tăng mạnh từ tháng 3 đến tháng 5, tuy nhiên dự báo xuất khẩu thủy sản sang thị trường này sẽ có nhiều triển vọng ở các tháng cuối năm.

Hình 19. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 6/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này có xu hướng giảm nhiệt, giảm 23,9% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 45,6% so với cùng kỳ năm 2021. Giá trị xuất khẩu cá da trơn trong tháng này, đạt 49,6 triệu USD, chiếm 35,1% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này. Trong đó, cá tra phi lê chiếm tới 68,2%, đạt 32 triệu USD, tăng 38,2% so với cùng kỳ năm trước và giảm 40% so với tháng trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê chiếm 31,7%, đạt 14,9 triệu USD, tăng 64,3% so với năm 2021 và 80,6% với tháng 5/2022.

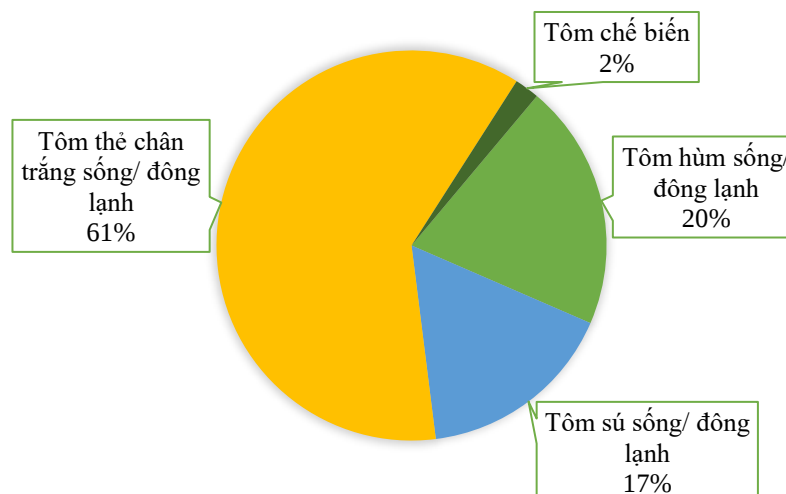
Hình 20. Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2022

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Tháng 6/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường đạt 49,6 triệu USD, tăng 45,6% so với cùng kỳ năm 2021, nhưng giảm 23,9% so với tháng trước. Tháng 6/2022, tôm hùm là sản phẩm có tốc độ tăng trưởng cao nhất tăng 107,3% so với năm trước đạt 10 triệu USD, chiếm 20,2% tổng giá trị sản phẩm tôm xuất khẩu sang Trung Quốc.

Giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 30 triệu USD, chiếm 60,4% và tăng 68,7%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 8,1 triệu USD, chiếm 16,3%, giảm 23,9%; tôm chế biến đạt 1 triệu USD, chiếm 2% và giảm 32,6%.

Hình 21. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số loại thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường này tháng 6/2022 như sau: Mực và bạch tuộc đạt 5,4 triệu USD, chiếm 4% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc và tăng 224,4% so với cùng kỳ năm trước; Cua – ghẹ đạt 4 triệu USD, chiếm 3%, tăng 36,7%; Thủy sản khác đạt 27,3 triệu USD, chiếm 20,5%, tăng 132%.

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này tháng 6/2022 như sau: cá da trơn đạt 2,2 USD/kg, tăng 26% so với cùng kỳ năm trước và giảm 6,5% so với tháng 5/2022. Tôm đạt 8,8 USD/kg, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2021 và giảm 28,2% so với tháng trước. Cụ thể:

Bảng 1. Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 6/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,2	26,0%	-6,5%
2	Cua, ghẹ	9,5	42,7%	1,8%
3	Mực và bạch tuộc	2,6	44,6%	3,3%
4	Tôm	8,8	5,0%	-28,2%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

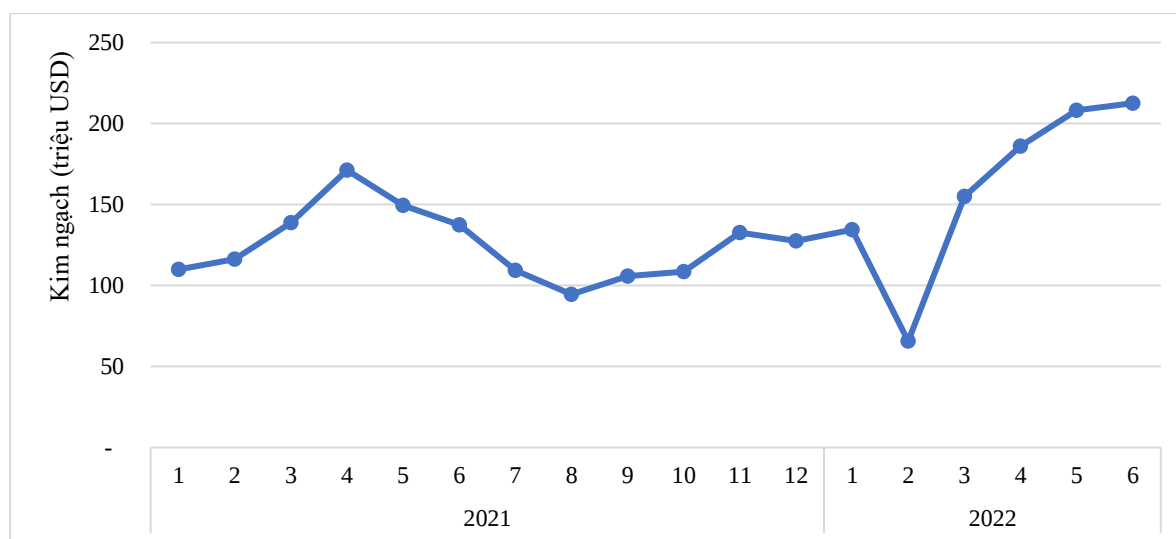
Trung Quốc hiện là một trong ba thị trường xuất khẩu gỗ lớn nhất của Việt Nam (cùng với Mỹ và Nhật Bản) khi thị trường này luôn chiếm từ 10 - 12% tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ.

Trong số khoảng 30 mặt hàng gỗ và sản phẩm Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, hơn 20 mặt hàng thuộc nhóm gỗ nguyên liệu và 10 mặt hàng thuộc nhóm sản phẩm gỗ.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ nguyên liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ của Việt Nam vào Trung Quốc. Tính riêng trong giai đoạn 2015 – 2021, Việt Nam xuất khẩu đạt kim ngạch từ 843 triệu USD đến 1,4 tỷ USD/năm từ các mặt hàng gỗ nguyên liệu. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng thuộc nhóm gỗ nguyên liệu có xu hướng tăng lên qua các năm, đặc biệt tăng mạnh trong các năm 2019 và 2021.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 06/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 212,6 triệu USD, tăng 2,1% so với tháng trước và 54,7% so với cùng kỳ năm 2021.

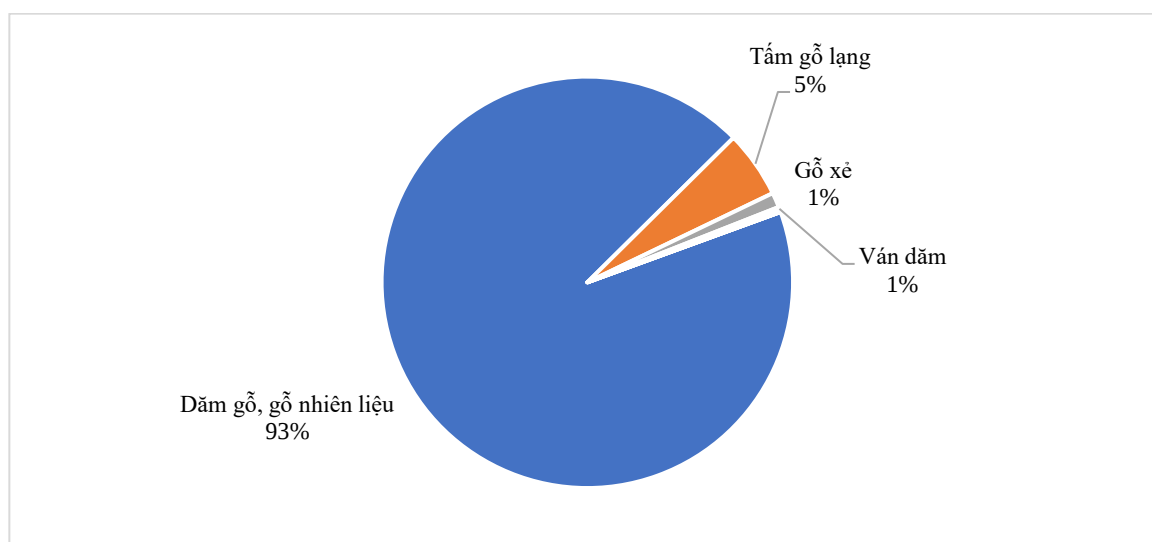
Hình 22: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 06/2022, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 193,7 triệu USD, chiếm 93,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 11,0 triệu USD, chiếm 5,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và ván dăm, chiếm lần lượt 1,2% và 0,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 23: Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 06/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Nhu cầu tiêu thụ cà phê của Trung Quốc tăng 15%/năm, tập trung vào các sản phẩm cà phê hòa tan, chế biến sâu 3 trong 1. Do đó, các chuyên gia khuyến cáo đây là hướng đi tốt cho doanh nghiệp nâng cao thị phần và giá trị gia tăng cho cà phê Việt tại Trung Quốc.

2. Cao su

Mỗi tháng Trung Quốc tiêu thụ khoảng 500.000 tấn cao su tự nhiên, trong khi nguồn cung nội địa chỉ đáp ứng được khoảng 115.000 tấn. Do vậy, nhu cầu nhập khẩu cao su của Trung Quốc khá lớn. Hiệp hội Cao su Việt Nam nhận định, Trung Quốc vẫn là thị trường chủ lực cho xuất khẩu mủ cao su và cao su sơ chế của Việt Nam 6 tháng cuối năm 2022. Tuy nhiên, tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng bởi chính sách “Zero COVID” của Trung Quốc vẫn sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tiêu thụ cao su của Trung Quốc trong năm 2022.

Giá cao su tại các sàn Châu Á trong tháng cũng biến động mạnh. Nguyên nhân xuất phát từ lo ngại về sự bùng phát lại của đại dịch Covid-19 ở Trung Quốc, Nhật Bản và lo ngại về suy thoái kinh tế toàn cầu. Điều này sẽ làm nhu cầu nhập khẩu cao su chậm lại ở nước tiêu thụ hàng đầu là Trung Quốc do các hoạt động bị ngừng trệ kéo dài vì Covid-19.

3. Rau quả

Theo đại diện Hiệp hội Rau quả Việt Nam, Trung Quốc là thị trường lớn nhất thế giới về tiêu thụ sầu riêng với kim ngạch nhập khẩu năm 2021 khoảng 4 tỉ USD. Trong đó, 90% nhập chính ngạch từ Thái Lan, còn sầu riêng Việt Nam trước giờ xuất khẩu tiểu ngạch với nhiều rủi ro. Do đó, sầu riêng là loại quả có tiềm năng xuất khẩu lên đến 1 tỉ USD/năm, vượt cả quả thanh long. Tuy nhiên, Nghị định thư nêu rõ trong 2 năm đầu tiên kể từ ngày Nghị định thư có hiệu lực, cán bộ của Bộ Nông nghiệp và PTNT phải tiến hành kiểm tra, kiểm dịch thực vật, lấy mẫu 2%. Trong thời gian 2 năm, nếu không phát hiện vi phạm về kiểm dịch thực vật thì tỉ lệ lấy mẫu sẽ giảm còn 1%. Trong trường hợp phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật (côn trùng, nấm, vi khuẩn...) còn sống, lá hoặc đất thì toàn bộ lô hàng không được xuất khẩu sang Trung Quốc. Như vậy, việc Trung Quốc mở cửa cho trái sầu riêng Việt Nam không phải là vĩnh viễn mà có điều kiện. Trước đó, nhiều mặt hàng đã được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc như: thanh long, xoài, vải, chuối, mít... vẫn có tình trạng phải giải cứu vì nhiều lý do. Trung Quốc hiện nay yêu cầu canh tác cũng phải thực hành tốt trong sản xuất nông nghiệp (VietGAP) nên nông dân phải chuyển đổi.

Theo đại diện Cục trưởng Cục Bảo vệ Thực vật, trong bối cảnh Trung Quốc tiếp tục siết chặt việc kiểm tra, kiểm dịch đối với hàng hóa xuất khẩu, các doanh nghiệp cần

nắm bắt thông tin, quy định và có kế hoạch đưa hàng lên cửa khẩu hợp lý. Đặc biệt, doanh nghiệp và người dân cần chú ý các quy định về vùng trồng, điều kiện xuất khẩu, quy định về cơ sở đóng gói... rất chặt chẽ mà phía bạn vừa đưa ra, tránh tình trạng vi phạm ảnh hưởng đến tiến độ xuất khẩu.

4. Điều

Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trị giá nhập khẩu hạt điều của thị trường này trong 5 tháng đầu năm 2022 đạt 82,46 triệu USD, tăng 57,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Việt Nam là nguồn cung hạt điều lớn nhất cho Trung Quốc, trị giá gần 71,36 triệu USD trong 5 tháng đầu năm 2022, tăng 43% so với cùng kỳ năm 2021. Tuy nhiên, thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ 95,23% trong 5 tháng đầu năm 2021 xuống còn 86,53% trong 5 tháng đầu năm 2022. Trong khi đó, thị phần hạt điều của Myanmar trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc chiếm 10,37%; Bờ Biển Ngà chiếm 2,63% trong 5 tháng đầu năm 2022.

5. Sản và sản phẩm từ sản

Trong 6 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản sang Trung Quốc gặp nhiều khó khăn vì hàng loạt quy định, tiêu chuẩn mới được Tổng cục Hải quan Trung Quốc ban hành và áp dụng từ đầu năm 2022.

Dù là ngành hàng xuất khẩu thu về cả tỷ USD mỗi năm, song ngành sản cũng còn không ít hạn chế, tồn tại gây ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững. Thị trường xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 95,8% tổng lượng tinh bột sản xuất khẩu của cả nước, sản và các sản phẩm từ sản của nước ta phụ thuộc gần như hoàn toàn vào thị trường Trung Quốc. Điều này dẫn đến sự thiếu bền vững và bị động. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ sản và sản phẩm từ sản của Việt Nam có nhiều khâu trung gian, chi phí logistics của Việt Nam cao nên tính cạnh tranh quốc gia thấp; hiện phải cạnh tranh gay gắt về thị trường xuất khẩu từ các nước Thái Lan, Campuchia, Lào.

Gần đây, xuất khẩu tinh bột sản có xu hướng tăng trở lại, trong khi xuất khẩu sản lát giảm. Dự báo trong các tháng tới, xuất khẩu tinh bột sản tiếp tục tăng và tràn đầy hy vọng nhờ nhu cầu của Trung Quốc vẫn cao.

6. Thủy sản

Thị trường này được đánh giá có nhu cầu tiêu thụ tốt từ nay đến cuối năm. Gần đây, Trung Quốc đã mở cửa trở lại, nhiều quy định phòng dịch Covid-19 được nới lỏng. Trung Quốc mới đây đã xóa bỏ chính sách đình chỉ nhập khẩu thực phẩm đông lạnh có nhiễm virus Sars-COV-2 sau gần 2 năm thực thi. Đây cũng là tin tích cực đối với các nguồn cung cấp thủy sản cho Trung Quốc trong đó có Việt Nam. Doanh nghiệp tiếp tục phải đối mặt với khó khăn về nguồn nguyên liệu và những thách thức còn tồn tại từ nửa đầu năm.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 6/2022

Sản phẩm	Tháng 6.2022 (USD)	Tăng/giảm so T5/2022	Tăng/giảm so T6/2021	Tỷ trọng (%)
Tổng XKNLTS	882.281.690	1,6%	7,0%	100,0%
Cà phê	10.283.574	-10,8%	-9,6%	1,2%
Cao su	212.529.202	70,6%	12,5%	24,1%
Chè	2.825.677	67,5%	73,5%	0,3%
Gạo	24.936.800	-48,0%	-55,3%	2,8%
Gỗ và SP Gỗ	212.571.254	2,1%	54,7%	24,1%
Rau quả	84.429.682	-16,0%	-47,0%	9,6%
Hàng thủy sản	133.389.114	-22,1%	47,5%	15,1%
Hạt điều	48.611.173	-16,9%	-22,5%	5,5%
Mây tre đan	824.992	-9,6%	-9,8%	0,1%
Sắn & SP sắn	111.316.131	5,8%	45,0%	12,6%
TÀGS & NL	40.564.091	7,7%	10,8%	4,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 6/2022

Loại sản phẩm	Tháng 6/2021		Tháng 6/2022		So sánh 2022/21 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo nếp	36.763	17.437.585	28.989	13.712.643	-21,1%	-21,4%
Gạo thơm	50.970	33.155.819	14.170	8.009.162	-72,2%	-75,8%
Gạo trắng	9.739	4.809.874	6.119	2.736.921	-37,2%	-43,1%
Các loại gạo khác	622	332.444	833	478.074	34,0%	43,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Xuất khẩu sản phẩm sắn và sản phẩm sắn sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2022

Sản phẩm	T6.2021 (USD)	T6.2022 (USD)	So sánh T5.2022/T5.2021
Tổng giá trị XK	74.499.985	111.923.182	50,2%
Tinh bột sắn	68.462.032	97.125.444	41,9%
Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	6.037.953	14.797.738	145,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc tháng 6/2022

Mặt hàng	T06/2021 (USD)	T06/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Tổng	11.075.743	10.283.101	-7,16%
Khác	5.594.342	2.575.535	-53,96%
Chưa rang chưa khử cafein	3.084.954	3.711.341	20,30%
Cà phê tan	2.220.037	3.798.755	71,11%
Đã rang chưa khử cafein	176.409	196.418	11,34%
Đã rang đã khử cafein	-	1.052	

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 6/2022

Sản phẩm	T6/2021 (USD)	T6/2022 (USD)	So sánh T6.2022/T6.2021
Tổng giá trị XK	159.435.644	84.429.682	-47,0%
Thanh long	68.646.270	27.340.031	-60,2%
Vải	30.988.890	12.257.326	-60,4%
Mít	12.708.371	9.803.708	-22,9%
Chuối	10.402.322	7.106.088	-31,7%
Dừa	3.655.009	6.741.678	84,5%
Chanh leo	5.807.611	5.228.611	-10,0%
Xoài	4.743.841	2.466.430	-48,0%
Sầu riêng	1.283.442	583.728	-54,5%
Nhãn	65.635	221.059	
Măng cụt	87.067	4.876	-94,4%
Dưa hấu	558.070	2.890	-99,5%
Chôm chôm	8.249		-100,0%
Khác	20.480.867	12.673.256	-38,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2022

Loại sản phẩm	Tháng 6/2022 (USD)	Tháng 6/2022 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Tổng	133.389.114,0	83.900.308,6	59,0%
Cá da trơn	46.860.569,5	32.188.336,8	45,6%
Cua, ghẹ	3.951.591,5	2.890.854,1	36,7%
Mực và bạch tuộc	5.357.397,0	1.651.474,1	224,4%
Tôm	49.647.534,2	34.817.596,3	42,6%
Thủy sản khác	27.308.561,0	11.770.446,8	132,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan